

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2023/TLST- KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng N (A). Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Phạm Toàn V; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh T.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Số A, đường N, tổ F, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện: bà Nguyễn Việt H – chức vụ: Giám đốc

Người được ủy quyền lại: Ông Hà Quang H1, nhân viên phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ, cán bộ pháp chế Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh T.

Bà Phạm Hồng H2, nhân viên Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Trưởng bộ phận pháp chế Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh T.

* **Bị đơn:** Bà Bùi Thị Kim O, sinh năm 1963.

Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường M, Thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;**

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.**

1/ Ông **Vũ Văn H3** (đã chết tháng 4 năm 2024)

2/ Anh **Vũ Mạnh H4**, sinh năm 1983

Địa chỉ: **Số nhà A, tổ dân phố A, phường M, TP T, tỉnh Tuyên Quang;**

3/ Chị **Vũ Lệ H5**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **Số E, tổ A, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về trách nhiệm thanh toán nợ: Bà **Bùi Thị Kim O** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **A** toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày ngày 12/5/2024, tổng dư nợ của bà **Bùi Thị Kim O** tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại **A Chi nhánh tỉnh T** là: 819.446.924 đồng (*Tám trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn sáu nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 329.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi chín triệu đồng*).

- Nợ lãi: 490.446.924 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi tư đồng*).

Bà **Bùi Thị Kim O** phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LAV201401416/HĐTD ngày 28/11/2014 cho đến ngày thực tế bà **Bùi Thị Kim O** tất toán các khoản vay.

Trường hợp bà **Bùi Thị Kim O** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì **A Chi nhánh tỉnh T** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất (diện tích 98,1 m²) và tài sản gắn liền với đất (nhà xây 02 tầng), tại thửa đất số: 02203.20.8; tờ bản đồ số: 20; trong đó: đất ở tại đô thị: 98,1 m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 042831, số vào sổ cấp giấy CNQDS đất: H01770/MX do **UBND thị xã T** (nay là **thành phố T**) cấp ngày 27 tháng năm /2007 mang tên hộ bà **Bùi Thị Kim O** và ông **Vũ Văn H3**. Địa chỉ thửa đất: Tổ 14 (tổ 28 cũ), **phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**. Thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 103 ngày 25/5/2010, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/5/2010 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bà **O** xin tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng của vụ án là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*). Bà **O** đã nộp đủ.

Về án phí: Bà **Bùi Thị Kim O** phải chịu 18.291.704 đ (*mười tám triệu, hai trăm chín một nghìn, bảy trăm bốn mươi tư đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Căn

cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 bà O là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh T số tiền 17,795,156 đồng (mười bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000000815507 ngày 30/11/2023 ký bởi Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Toà án số: 0000311 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

" Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự hiện hành thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự";

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (đề TH);
- Các đương sự (đề thi hành);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Lan

